



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.



Applicant in Vietnam DANH CÔNG DANH
Last Middle First

Current Address 168/35/2 Đường Nguyễn Chí Trinh F15 - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

Date of Birth 07-30-49 Place of Birth Gia Định - Saigon

Names of Accompanying Relatives/Dependents

01 - NGUYỄN KIM - LIÊN 03 - NGUYỄN CÔNG DANH - NHÂN
02 - NGUYỄN CÔNG KIM - OANH 04 - NGUYỄN CÔNG DANH - NGON

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06/1975 To 02/1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>NGUYEN CONG TRI</u>	<u>em ruột</u>	<u>Mrs LUCY WALKUP</u>	<u>Di ruột</u>

Form Completed By:

Mrs LUCY WALKUP Di ruột

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): DANH CÔNG NGUYỄN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01- NGUYỄN KIM-LIÊN (F)	09-28-53	198
02- NGUYỄN CÔNG KIM-DANH (F)	12-10-75	Con
03- NGUYỄN CÔNG DANH-NHÂN (M)	03-16-82	Con
04- NGUYỄN CÔNG DANH-NGÔN (M)	10-18-86	Con

ADDITIONAL INFORMATION:

- AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
- WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 084146
- Giấy ra tài số 204-QĐ-5/4
- Bản sao giấy công nhận kết hôn.
- 05 bản sao giấy khai sinh

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TỬ NHÂN) : NAMHIEN CÔNG NAMHIEN
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 30 1949
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Nam Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : Có
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 168/35/2 đường Nguyễn Cửu Trinh - Phường 15 - Quận 1
 (Địa chỉ tại VN) Thành Phố Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :
If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 06/1975 To (Đến) : 02/1978

PLACE OF RE-EDUCATION : Trại Trảng Lớn (Tây Ninh) + Bùn Giã Mập (Sông Bé)
 CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Không

EDUCATION IN U.S. : _____
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Thiếu Úy Số quân 69/150830

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : Có IV Number (số hồ sơ) : 084146 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 04 (bốn)
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN : 168/35/2 đường Nguyễn Cửu Trinh - Phường 15 - Quận 1
 (Địa chỉ liên lạc Thành Phố Hồ Chí Minh
 tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYEN CONG TRI
 Tên, Địa chỉ Thân nhân :
 hay Người Bảo Trợ)

J.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : em ruột

NAME AND SIGNATURE : Nguyễn Công Danh - 168/35/2 đường Nguyễn Cửu Trinh - Phường 15 - Quận 1
 ADDRESS OF INFORMANT Thành Phố Hồ Chí Minh
 Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, Điện thoại của người điền đơn này)

DATE : 08 18 1988
 Month (tháng) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): DANH CÔNG NGUYỄN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01- NGUYỄN KIM-LIÊN (F)	09-28-53	Vợ
02- NGUYỄN CÔNG KIM-DANH (F)	12-10-75	Con
03- NGUYỄN CÔNG DANH-NHÂN (M)	03-16-82	Con
04- NGUYỄN CÔNG DANH-NGÔN (M)	10-18-86	Con

ADDITIONAL INFORMATION:

- AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
- WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 084146
- Giấy ra hai số 204-QG-5/4
- Bản sao giấy công nhận kết hôn
- 05 Bản sao giấy khai sinh



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. _____

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. _____
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Your Name: Mr/Mrs/ Ms NGUYEN CONG TRI Diocese of: SAN JOSE
Phone (home) _____
(work) _____

Your Address _____
Number _____ Street _____ County/City _____ State _____ Zip _____
Date of Birth: 05/20/1987 Place of Birth: SAIGON VIETNAM
Date of Entry to U.S.: 11/18/1981 Alien Number A 25234711
Naturalization Certificate Number (If Applicable) NONE

Legal Status Parolee ☐ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen ☐

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP) I include a copy of my ☒ I-94 (both sides) ☒ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
NGUYEN CONG DANH	M	7/30/1949 HANOI	BROTHER	10A/3/2 NGUYEN G. ST.
		MT. LAY VN		Q.T. - 1000 14TH ST.
NGUYEN KIM LIEN	F	9/28/1955 SAIGON	SISTER-IN-LAW	THE SAME AS ABOVE
		VN		
NGUYEN CONG KIM OANH	F	12/10/1975 SAIGON	NIECE	THE SAME AS ABOVE
		VN		
NGUYEN CONG DANH NHAN	M	3/16/1982 SAIGON	NEPHEW	THE SAME AS ABOVE
		VN		

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

[Signature]
Your Signature

Subscribed and sworn to before me this
12 day of 2, 19 84.

Stamp or Seal of Notary



[Signature]
Signature of Notary Public

My commission expires: _____

* Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/82)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

(202) 659-6640

659-6647

Số USCC#

Số ODP-Bangkok-IV#

(nếu biết)

Mẫu Mới - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA-ĐÌNH
(Thân Nhân Ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn Ở Hoa Kỳ: NGUYỄN CÔNG TÍN
Địa Chỉ: 1768 ROCKBERRY DRIVE, ALHAMBRA, CA 91802
Tuổi của Người Đứng Đơn: 24 Nơi Sinh: CHAUHAN VIETNAM
Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: 12/10/1981
Tư dân tới: LAOS-NH-SIA ĐULAU GALANG

(Quốc nào)

(Trại Ty-Nan Nao)

Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-25284711Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có): KHÔNG-CÓ

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn.

☐ Ty-nạn (Chưa có quy-chế Thưởng-trú-nhân)Xin đánh dấu /X/☒ Thưởng-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ
cung xin điền mẫu này và
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi. (Tôi chấp nhận để
tên tôi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
Cao-Úy- Ty-Nan Liên-Hiệp-Quốc hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH và THI THỰC CHỮ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia- Đình với Tôi	Địa-Chỉ Rõ-Ràng và Mỗi Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
NGUYỄN CÔNG DẠM	30/7/1949 THÀNH MỸ TÂY VN	ANH KẾT	108/35/2 NGUYỄN, C. TH. P. P. 15 Q. 1 TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN KIM LIÊN	24/7/1953 CHAUHAN VN	CON DẠM	KHU TRÊN
NGUYỄN CÔNG KIM DẠM	10/12/1957 CHAUHAN VN	CON DẠM	KHU TRÊN
NGUYỄN CÔNG DẠM NHAN	10/12/1962 CHAUHAN VN	CON DẠM	KHU TRÊN

Người làm đơn ký tên: _____

Ngày làm đơn: 12/2/1984

GPR ID = 515
RUN DATE: 07/07/84
PAGE NO. 1012

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN COCS DANH

I Name: NGUYEN CONG TRI

Other names used:

I GDB:(maddy) / / CCB:

Sex: M DOB: (mmddyy) 07/30/49 COE: VH

I Address:

Address in Vietnam:

I Telephone (Home): (Business): / /

168/35/2 NGUYEN CU TRINH, C.1,

T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

I Category: REF F2A USC

442

Sex DOB Col. CCH
M/F MM CC YY P2

FALCON
MM DE Y

Documentation
NET CYN

PAGE:

OTHER

1.	NGUYEN CONG DANG	M	07	30	49	PA	VN
2.	NGUYEN KIM LIEP	F	09	28	53	HI	VN
3.	NGUYEN CONG KIM DANG	E	12	10	75	CA	VN
4.	NGUYEN CONG DANG NHAN	M	03	16	82	SO	VN

[illegible]

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 11/16/81 Self-Sponsor to PA: 82

1-110 ADR ADS 8C---PCT AC PCT GVN PHOTO 07-182

ENL #: SRV #: JAL:

1. The first group of variables includes the demographic characteristics of the respondents, such as age, gender, and education level. These variables are used to control for potential confounding factors that may influence the relationship between the independent and dependent variables.

SG Map14/Training (Oct 3): -----

At US Ensl/Training (Cst 3-AC):-----

NR/RVNAF SVC: ----- US Combat Arms: ----- Num Cntrs: --/--/-- to --/--/--

BỘ QUỐC PHÒNG

Cục Quân Pháp

SU ĐOÀN 3

Số: 204-00-5/4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của ~~Việt Nam~~ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ ~~Công - Thương~~ - Nội vụ số ~~12/CP~~ ngày ~~24/01/77~~

về ~~thực hiện~~ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ

Thi hành quyết định số ~~12/CP~~ ngày ~~24/01/77~~

của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên:

Đ. C. CÔNG D. H.

Ngày, tháng, năm sinh: 1945

Quê quán: S. B. Định

Trú quán:

Số lính, cấp ~~Đ. C.~~ chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và cơ
tổ chức chính ~~Đ. C.~~ phản động của chế độ cũ: Đ. C. H. S. S.

Thiếu úy ~~Đ. C.~~ nhân viên ~~Đ. C.~~ trưởng ~~Đ. C.~~ các ~~Đ. C.~~ ~~Đ. C.~~ ~~Đ. C.~~

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,
Phường: S. B. Định xã S. B. Khánh thuộc Huyện,

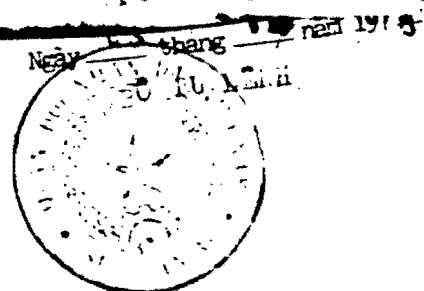
Quận: S. B. Hoà Tỉnh, Thành phố: Long An

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về
nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng

- Thời hạn đi ~~Đ. C.~~ S. B. ngày (kể từ ngày ký giấy

- Tiền và lương thực đi ~~Đ. C.~~ S. B.



THƯỢNG TÁ Đ. C. H. S. S.

Số 177

Ủy Bantr Co ve
Cm Hoa phuong Chng toi
va xin tong ky chuong tru
hien co so cho Cao lau ong hau
Co xat tai bang

Thec ling Chu CA Huyen xue Hoa
lu cho lai sau 3 ngay theo
Di lai 1 so ve Cui xue sau an
hin xa gen nao lo ca
lu vi ang dans lu day ay vait
thai ve thung

Ủy Bantr Bng Co lai tin co Huyen 24

10/9/88

T. B. B.
T. B. B.
B. B.
B. B.

Number 11-2-78

Thi thanh di Bng ky

Mi. Bng ky an sau
H. B. B.
B. B. B.

Chung Bng

1/3 Nguyen Cong danh
Nguyen In Phien uy (nguy)
u den Trinh dien Tan
phong es I cong An Huyen
Hue Hoa



12-1988

Nguyễn Văn Bè

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn :
Thị xã, Quận :
Thành phố, Tỉnh : **Saigon**BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔNSố **60 N.C.T**
Quyền số

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN CÔNG DANH	NGUYỄN KIM LIEM
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	30 - 07 - 1949	28 - 09 - 1953
Dân tộc Quốc tịch	//	//
Nghề nghiệp	Quản An	Học sinh
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	168/3 Nguyễn Cư Trinh Saigon	258/17 Trần Hưng Đạo
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày **28** tháng **11** năm **1974**TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

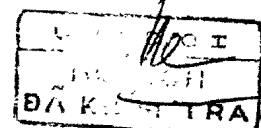
Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **11** tháng **11** năm **1983**

NL _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ) **VĂN PHÒNG**

MM HT3/P3

Số _____
Quyển số _____

Page 10

Thành phố, Tỉnh Saigon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

MEM HT S/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

86 4601

Quyển số _____

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

Họ và tên :	Nguyễn Kim Liên		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 28 tháng 9 năm 1953		
Nơi sinh	Sông, 284 đường ARRAS		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Sang	Lý Thị Loan	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Lính Cứu Hỏa	Nôc sĩ	
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn 457/180	Nguyễn Đình Chiểu	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Người cha khai		

NHẬN THỰC ĐẠO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng 8 năm 1983

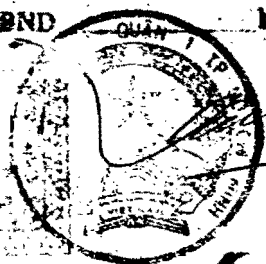
THE/END

ký tên đóng dấu

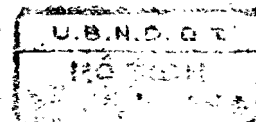
PHÒNG PHÒNG

Đã ký ngày 30 tháng 9 năm 1983
(Ký tên đồng chủ, ghi rõ chức vụ)

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Thank you very much.



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã HT 3/P3

Xã: Thị trấn Huỳnh Sĩ
Thị xã Quận II
Thành phố, Tỉnh Saigon

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 6612AA
Quyển số 34AA

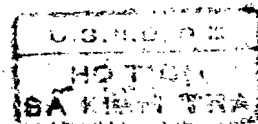
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên :	<u>Nguyễn Công Kim Cảnh</u>		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>Ngày 10 tháng 12 năm 1975</u>		
Nơi sinh	<u>284, Công An Quận 2</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Công Danh</u> <u>26 tuổi</u>	<u>Nguyễn Kim Liên</u>	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Học tập</u>	<u>Nơi trú</u> <u>168/35/3 Nguyễn Chí Trinh</u> <u>Phố Q1</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Nguyễn Thị Sĩ 47 tuổi</u> <u>hẻm 35/3 Nguyễn Chí Trinh</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 15 tháng 12 năm 1983
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày tháng 8 năm 1983
IM/UBND ký tên đóng dấu
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Sĩ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận IThành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

Số 28

GIẤY KHAI SINH

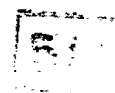
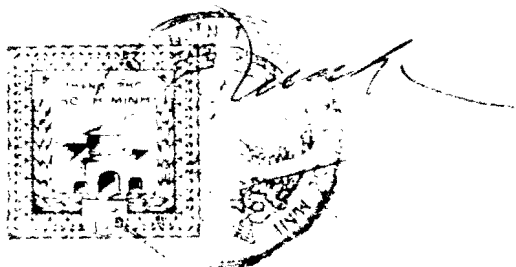
Quyền số 01/P15

Họ và tên	<u>Nguyễn Công Danh Nhân</u>	Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>16 - 3 - 1982</u>		
Nơi sinh	<u>75A Cao Thắng Quận 3</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Công Danh</u> <u>1949</u>	<u>Nguyễn Kim Liên</u> <u>1953</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Buôn Bán</u>	<u>Giáo Viên</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Tạm Trú</u>	<u>168/35/3 Nguyễn Oai</u> <u>Trình Q.1</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Cha Khai</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 7 năm 19 88TM/UBND Q.1 ký tên đóng dấuĐã ký ngày 18 tháng 3 năm 19 82

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Mẫu HT3/P3Xã, Thị trấn 35Thị xã, Quận **I**Thành phố, Tỉnh ĐỀ

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

S6 210

Quyền số **II/86**[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN CÔNG DANE NGON		Nam, nữ	NAM
Sinh ngày tháng, năm	Ngày của tháng một năm một nghìn chín trăm năm 10 - 10 - 1986			
Nơi sinh	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN CÔNG DANE 1980		NGUYỄN KIM LÂN 1953	
Dân tộc	KINH		KINH	
Quốc tịch	VIỆT		NAM	
Nghề nghiệp	THỢ MAY		GIỎ VIÊN	
Nơi ĐKNK thường trú	168/35/2 NGUYỄN CỬ TRINH P. 15 Q1		168/35/2 NGUYỄN CỬ TRINH P. 15 Q1	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGƯỜI CHA KHAI			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 10 năm 86

TM/UBND ký tên đóng dấu

THẺ ĐƠN AN DẪN PHƯỜNG 15/01

Chủ tịch

Lê Bá Cẩn

Đăng ký ngày 24 tháng 10 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

IN. UNED P. 15

TL. 000 1700 0000 P.35 01

ỦY VIÊN THƯ KÝ

(đã ký và đóng dấu)

TOW TOWN HALL

IRI NGUYEN

34



SEP 08 1988

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
— ASSOCIATION.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

CONTROL

_____ Card
☒ Doc. Request; Form 5/3/89 .
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form 'D'
_____ ODP/Date _____
_____ Membership; Letter



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM



The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam DANH CONG NGUYEN
Last Middle First

Current Address 168/35/2 đường Nguyễn Chí Trinh - F15 - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

Date of Birth 07-30-49 Place of Birth Gia Định - Saigon

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>01- NGUYỄN KIM - LIÊN</u>	<u>03- NGUYỄN CÔNG DANH - NHÂN</u>
<u>02- NGUYỄN CÔNG KIM - OANH</u>	<u>04- NGUYỄN CÔNG DANH - NGON</u>

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06/1975 To 02/1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>NGUYEN CONG TRI</u>	<u>em ruột</u>	<u>Mrs LUCY WALKUP</u>	<u>Đi ruột</u>

Form Completed By:

Mrs LUCY WALKUP Đi ruột
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): DANH CONG NGUYEN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01 - NGUYEN KIM - LIEN (F)	09-28-53	V3
02 - NGUYEN CONG KIM - DANH (F)	12-10-75	Con
03 - NGUYEN CONG DANH - NHAN (M)	03-16-82	Con
04 - NGUYEN CONG DANH - NGON (M)	10-18-86	Con

ADDITIONAL INFORMATION:

- AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
- WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 084146
- giấy ra hôn số 204 - QG-5/4
- Bản sao giấy công nhân kết hôn
- CS Bản sao giấy khai sinh.

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TỬ NHÂN) : DANH CÔNG NGUYỄN
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 30 1949
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Nam Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 168/35/2 đường Nguyễn Cư Trinh - Phường 15 - Quận 1 -
 (Địa chỉ tại VN) Thành Phố Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Có là tử binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :
 : If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 06/1975 To (Đến) : 02/1978

PLACE OF RE-EDUCATION : Trại Trảng Lớn (Tây Ninh) + Bù Gia Mập (Sông Bé).
 CAMP (TRẠI TỬ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Không

EDUCATION IN U.S. : _____
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Thiếu Úy số quân 69/150830

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : _____ Date (Năm) : _____
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : Có IV Number (số hồ sơ) : 084146 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 04 (bốn)
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN : 168/35/2 đường Nguyễn Cư Trinh - Phường 15 - Quận 1 -
 (Địa chỉ liên lạc Thành Phố Hồ Chí Minh
 tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYỄN CÔNG TRỊ
 Tên, Địa chỉ Thân nhân :
 hay Người Bảo Trợ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : _____ No (Không) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : em ruột

NAME AND SIGNATURE : Nguyễn Công Danh - 168/35/2 đường Nguyễn Cư Trinh - Phường 15 - Quận 1
 ADDRESS OF INFORMANT Thành Phố Hồ Chí Minh
 Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, Điện thoại
 của người điền đơn này)

DATE : 08 18 1988
 Month (tháng) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): DANH CÔNG NGUYỄN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01 - NGUYỄN KIM-LIÊN (F)	09-28-53	198
02 - NGUYỄN CÔNG KIM-DANH (F)	12-10-75	Con
03 - NGUYỄN CÔNG DANH-NHÂN (M)	03-16-82	Con
04 - NGUYỄN CÔNG DANH-NGÔN (M)	10-18-86	Con

ADDITIONAL INFORMATION:

- AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
- WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 084146
- giấy ra tài số 204-QG-5/4
- Bản sao giấy công nhận kết hôn
- 05 Bản sao giấy khai sinh

ODP CHECK FORM

Date: 4.20.89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA. (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: NGUYEN CONG DANH

Date of Birth: 7. 30. 49 Quảng Ninh VN

Address in VN 168/35/2 Nguyễn Công Bình F15 Q.1 Hồ Chí Minh City
VN

Spouse Name: Nguyễn Kim Liên
 Number of Accompanying Relatives: 4
 Reeducation Time: 3 Years Months Days

IV # 084 146

VEWL # _____

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List # _____

Sponsor: Nguyễn Công Trí

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (O) - 560-0058 (H)

FR. NGUYEN CONG DANH
168/35/2 Nguyễn Cửu Trừng F15.01
TP. HỒ Chí Minh
VIỆT-NAM



To: P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA. 22205-0635

U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. _____

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

 ODP-IV No. _____
 (If known)

 1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005
 (202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

 Your Name: Mr/Mrs/ Ms NGUYEN CONG TRI Diocese of: San Jose
 Phone (home) (415) 291-0327
 (work) _____

 Your Address 1702 ROBERTSON BLVD County/City San Jose State CA Zip 95128
 Number Street

 Date of Birth: 05/20/1947 Place of Birth: SAIGON VIETNAM

 Date of Entry to U.S. 11/18/1981 Alien Number A 2523470

Naturalization Certificate Number (If Applicable) _____

 Legal Status Parolee ☐ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen ☐

 I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☒ I-94 (both sides) ☒ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
NGUYEN CONG DANH	M	7/30/1949 HANOI MY TAY VN	BROTHER	108/31/2 NGUYEN C. DANH Q.I. HO CHI MINH CITY
NGUYEN KIM LIEN	F	9/28/1965 SAIGON VN	SISTER-IN-LAW	THE SAME AS ABOVE
NGUYEN CONG KIM DANH	F	12/10/1975 SAIGON VN	NIECE	THE SAME AS ABOVE
NGUYEN CONG DANH NHAN	M	3/10/1952 HANOI VN	BROTHER	THE SAME AS ABOVE

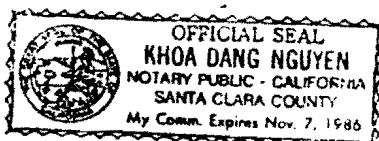
I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

 Your Signature [Signature]

Subscribed and sworn to before me this

12 day of 2, 19 84.

Stamp or Seal of Notary


 Signature of Notary Public [Signature]

My commission expires: _____

Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/82)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

(202) 659-6646

659-6647

Số USCC#

Số ODF-Bangkok-IV#

(nếu biết)

Mẫu Mới - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA-ĐÌNH

(Thân Nhân Ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn Ở Hoa Kỳ: NGUYỄN CÔNG TÍNĐịa Chỉ: 176 E. ROCK STREET, APT. 2, CHICAGO, ILL. 60612Tuổi của Người Đứng Đơn: 27 Nơi Sinh: CHAU, VIETNAMNgày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: 12/7/1991Tổ dân tộc: IAO, N. GIA PU LAU, CALANG

(Quốc nào)

(Trại Tỵ-Nạn Nào)

Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-2523470Số Chứng-Chỉ Nhập-Tịch Mỹ (Nếu có): Không có

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn:

☐ Tỵ-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)Xin đánh dấu /X/☒ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ
cũng xin điền mẫu này và
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi. (Tôi chấp nhận để
tên tôi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
Cac-Uỷ- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH VÀ THI THỰC CHỦ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia- Đình với Tôi	Địa-Chỉ Rõ-Ràng và Mỗi Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
NGUYỄN CÔNG DANH	30/7/1949 THÀNH MỸ TÂY VN	ANH KẾT	168/33/2 NGUYỄN, CƯ TRINH P.13 Q.1 TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN KIM LIÊN	26/7/1953 SAIGON VN	CHỊ DẦU	NHU TRÊN
NGUYỄN CÔNG KIM DANH	10/12/1950 SAIGON VN	CHỊ THAI	NHU TRÊN
NGUYỄN CÔNG DANH NHAN	10/12/1950 SAIGON VN	CHỊ THAI	NHU TRÊN

Người làm đơn ký tên: _____ Ngày làm đơn: 12/2/1991

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPR ID = SIR
RUN DATE: 07/07/84
PAGE NO. 1012

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 034146

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN CONG DANH

Other names used:

Sex: M DOB:(mmddyy) 07/30/49 COB: VN

Address in Vietnam:

168/35/2 NGUYEN CU TRINH, C-1,
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN CONG TRI

DOB:(mmddyy) / / COB:

Address: 1768 ROCKSPRING DR., #3,

SAN JOSE, CA 95112

Telephone (Home): 408/298 70327 (Business): / /

Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

	NAME	Sex	DOB			Rel.	COB	FALCON			Documentation			OTHER
			M/F	MM	DD YY			PA	MM	DD YY	BC	ECT	MC	
1.	NGUYEN CONG DANH	M	07	30	49	PA	VN	--	--	--	--	--	--	-----1
2.	NGUYEN KIM LIEN	F	09	28	53	WZ	VN	--	--	--	--	--	--	-----2
3.	NGUYEN CONG KIM DANH	F	12	10	75	CA	VN	--	--	--	--	--	--	-----3
4.	NGUYEN CONG DANH NHAN	M	03	16	82	SO	VN	--	--	--	--	--	--	-----4
5.								--	--	--	--	--	--	-----5
6.								--	--	--	--	--	--	-----6
7.								--	--	--	--	--	--	-----7
8.								--	--	--	--	--	--	-----8
9.								--	--	--	--	--	--	-----9
10.								--	--	--	--	--	--	-----10
11.								--	--	--	--	--	--	-----11
12.								--	--	--	--	--	--	-----12
13.								--	--	--	--	--	--	-----13
14.								--	--	--	--	--	--	-----14

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 11/16/81 Rel-Sponsor to PA: BR

I 1-130 AOR AOS BC ECT MC MCT GVN PHOTO

OTHER

VEWL #:

SRV #:

JNL:

I

USG Empl/Training (Cat 2):

--/--/-- to --/--/--

US Empl/T (Cat 3):

--/--/-- to --/--/--

OR AND:

--/--/-- to --/--/--

ĐỘI QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1201-2-78

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền cũ và đang phải phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số _____ ngày _____
và hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ
Thi hành quyết định số _____ ngày _____
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

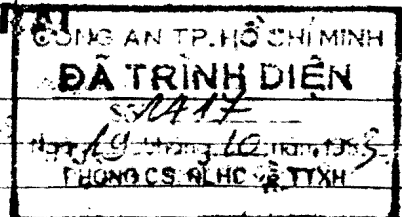
- Họ và tên: NGUYỄN CÔNG ĐỊNH

Ngày, tháng, năm sinh: 194

Quê quán: Xã Định

Trú quán: _____

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phân động của chế độ cũ:
Thiếu úy định biên, sĩ quan trường các ngành kỹ thuật



- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: _____ xã Hòa Khánh thuộc Huyện, Quận: _____ Tỉnh, Thành phố: Long An và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế và nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: _____ năm tháng

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy)

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường
được cấp phát

Ngày 05 tháng 10 năm 1978

ĐÓNG LƯU

Số 579.

Hội đồng là về
tên địa phương Công tác
và xin đồng ý chuyển
địa chỉ 50. Chu Chai

Cá hát tại đây
trên kinh phí của huyện
lưu cho các đơn vị

Đã hết 1 số. Về các đơn vị
xin xin gửi báo cáo
lưu và đang lưu tại đây
trên về tháng.

Phụ Ban Tổng có thể tìm ở huyện

10/2/38

Tổng Ban
Ban

Ban

Ban Cao

Ngày 11-12-38.

Tên của H. B. B. B.

7/11. Ban Công tác

Đã gửi

Đã gửi

H/S Nguyễn Công danh
Nguyễn Văn Thiên (Nguyễn)

Có đến trình diện tại

phòng CS I công An Huyện

Đức Hòa



12-1938

A. Huyện

Nguyễn Văn Bê

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn : Đhi
Thị xã, Quận : Saigon
Thành phố, Tỉnh : Saigon

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 60 N.C.T
Quyền số

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN CÔNG DANH	NGUYỄN KIM LIÊN
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	30 - 07 - 1949	28 - 09 - 1953
Dân tộc Quốc tịch	//	//
Nghề nghiệp	Quân nhân	Học sinh
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	168/3 Nguyễn Cư Trinh Saigon	258/17 Trần Hưng Đạo
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 28 tháng 11 năm 1974
TM/UBND Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

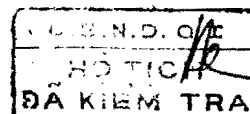
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH



11 tháng 11 năm 1983
Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Thanh Ngọc



Mẫu HT 3/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thành phố, Tỉnh Saigon

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

S6 4601

Quyền số _____

[illegible]

Họ và tên :	Nguyễn Kim Liên		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 28 tháng 9 năm 1953		
Nơi sinh	Saigon, 284 đường ARRAS		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Sang	Lý Thị Loan	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Lính cứu hỏa	Nôis tr	
Nơi ĐKNK thường trú	Saigon #57/180	Nguyễn Đình Chiểu	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Người cha khai		

Đã ký ngày 20 tháng 9 năm 1985
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày tháng năm 1983

TM/UBND

ký tên đóng dấu

PHỔ VĂN PHÒNG

Angela M. Smith

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Quận _____
Xã _____ I _____

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 786/Kép D,

Năm : 1976

Lập ngày 24 tháng 03 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN CÔNG KIM OANH
Trai hay gái	Gái
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày mười, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm-
Nơi sanh	SAIGON, 284 Cống Quỳnh
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN CÔNG DANH / V.N
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN KIM LIÊN / V.N

SAO LỤC

Thành phố HỒ CHÍ MINH, ngày 28 tháng 09 năm 1977

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



[Handwritten signature]

LÂM VĂN XIÊU

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____ **Hồ Chí Minh**

BẢN SAO

Số _____ **28**

GIẤY KHAI SINH

Quyền số _____ **01/P15**

Họ và tên	Nguyễn Công Danh Nhân		Nam, nữ... Nam
Sinh ngày tháng, năm	16 - 3 - 1982		
Nơi sinh	75A Cao Thắng Quận 3		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Công Danh 1949	Nguyễn Kim Liên : 1953	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Nam	
Nghề nghiệp	Suon Suan	Công Viên	
Nơi ĐKKK thường trú	Tạm trú	158/35/3 Nguyễn Cư Trinh Q.1-	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Cha là hai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____ **82**

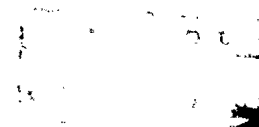
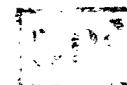
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày _____ tháng _____ năm 19 _____ **88**

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu



Handwritten signature



Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

S6 226Quyền số II/24[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN CÔNG DANH NGUYỄN		Nam, nữ	NAM
Sinh ngày tháng, năm	Mười tám tháng mười năm một nghìn chín trăm sáu mươi bốn 18 - 10 - 1964			
Nơi sinh	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN CÔNG DANH 1969		NGUYỄN VĂN LİÊN 1953	
Dân tộc	KINH		KINH	
Quốc tịch	VIỆT		NAM	
Nghề nghiệp	THỢ MAY		GIÁO VIÊN	
Nơi ĐKNK thường trú	168/35/A NGUYỄN CỬ TRINH P. 13 Q1		168/35/A NGUYỄN CỬ TRINH P. 13 Q1	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN CHỊ KHAT			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 12 năm 86

TM/UBND ^{3/1/2016} ~~3/1/2016~~ FIS CMT ký tên đóng dấu

TN JOURNAL NHÂN DÂN PHƯƠNG 6 15 Q

Chủ tịch

Đăng ký ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm ~~1986~~
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

EN. VAND P.15

13. AND FROM HERE P.35 ON

ỦY VIÊN THƯ KÝ

(dã kỹ và dùng dĩa)

TÊN THÌS HỌ

Lê Bá Cẩn